

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/DS-PT

Ngày: 11 - 3 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Anh Tuyết, bà Phạm Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2024/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2025/QĐXX-PT ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà F đường K, KDC T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hoàng T - Văn phòng L và anh em, Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số A Đ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Đồng Văn T1, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1955; địa chỉ: KDC K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt, có văn bản ủy quyền cho chị Đồng Thị H tham gia tố tụng.

2. Chị Đồng Thị H, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú: KDC K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Số A, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Đồng Thị H: Luật sư Đinh Thị N - Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

- Người kháng cáo: Các bị đơn Đồng Văn T1, Nguyễn Thị T2 và Đồng Thị H.

Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị S trình bày: Từ ngày 13/9/2016 đến ngày 04/12/2017 bà S cho vợ chồng ông Đồng Văn T1, bà Nguyễn Thị T2 vay nhiều lần tổng số tiền là 11.175.000.000đồng, không có thời hạn và không có lãi. Đến cuối năm 2017 bà S đã nhiều lần yêu cầu ông T1 bà T2 trả nợ nhưng vợ chồng ông T1 bà T2 không trả, cố ý lẩn tránh, chây ỳ nghĩa vụ trả nợ. Tại Đơn khởi kiện ngày 23/3/2024, bà S khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà T2 phải trả nợ số tiền gốc là 11.175.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 14/7/2023. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/4/2024 và Bản tự khai ngày 06/5/2024, bà S khởi kiện bổ sung chị Đồng Thị H (con gái ông T1 bà T2) là đồng bị đơn có vay của bà số tiền 1.000.000.000đồng thông qua 02 giao dịch chuyển khoản qua ngân hàng. Yêu cầu Tòa án buộc ông T1, bà T2 và chị H phải trả nợ số tiền là 12.175.000.000đồng. Tại phiên đối chất và hòa giải bà S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Rút không yêu cầu trả số tiền 500.000.000đồng chuyển khoản qua tài khoản chị Đinh Thị H1 ngày 01/5/2017. Yêu cầu ông T1, bà T2 và chị H phải trả số tiền 10.525.000.000đồng. Trong đó, của chị H là 765.000.000đồng, của ông T1 bà T2 là 9.760.000.000đồng.

2. Ý kiến của bị đơn Đồng Văn T1, Nguyễn Thị T2: Tại Bản tự khai ngày 30/7/2024, ông T1 và bà T2 trình bày: Ngày 13/9/2016 do thiếu vốn kinh doanh nên ông T1 bà T2 có vay của bà S số tiền 1.000.000.000đồng, lãi suất 3.000đồng/01 triệu đồng/ngày. Sau đó vì lãi cao, kinh doanh không hiệu quả nên ông T1 bà T2 đã trả hết tiền cho bà S. Do bà S tính lãi ngày, lãi mẹ đẻ lãi con từng ngày từng tháng và bắt ông bà phải trả, khi không có tiền trả thì bà S yêu cầu ghi giấy nợ rồi bà S cộng dồn gốc lãi, những tờ giấy ông bà viết trước đã tin tưởng không xé đi và bà S cộng dồn tờ trước và tờ sau để thành tổng số tiền khởi kiện cao như hiện nay trong khi ông bà đã trả hết tiền gốc và lãi. Do vậy, ông T1, bà T2 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà sinh. Tại Bản tự khai ngày 23/8/2024 ông T1 và bà T2 trình bày bổ sung: Năm 2016 ông T1 bà T2 có vay của bà S số tiền 2.400.000.000đồng với lãi suất 3.000đồng/01 triệu đồng/ngày; ngày 13/6/2016 hai bên chốt nợ gốc lãi là 2.724.000.000đồng, trong đó tiền lãi là 324.000.000đồng, ông T1 bà T2 đã thu xếp và trả ngay được 1.224.000.000đồng, còn nợ lại 1.500.000.000đồng; bà S yêu cầu viết giấy nợ 1.000.000.000đồng còn 500.000.000đồng không phải viết giấy nợ mà hẹn miệng đến ngày 14/9/2016 phải trả nhưng đến ngày đó ông T1, bà T2 không trả được nên bà S lại yêu cầu ông bà viết giấy nhận nợ 500.000.000đồng vào ngày 14/9/2016. Đến ngày 26/9/2016 bà S chốt tiền gốc lãi là 1.563.000.000đồng, ông bà đã trả 63.000.000đồng tiền lãi, bà S yêu cầu viết giấy nợ 1.000.000.000đồng còn 500.000.000đồng không phải viết giấy mà hẹn miệng đến ngày 27/9/2016 trả nhưng đến ngày 27/9/2016 không có tiền trả thì bà S lại yêu cầu viết giấy nhận nợ số tiền là 1.500.000.000đồng. Đến ngày 29/9/2016 và 30/9/2016 bà S nói là vay hộ tạm số tiền 200.000.000đồng và 700.000.000đồng yêu cầu ông bà đến viết 02 giấy theo số tiền trên... cũng như các giấy vay tiền sau này ông bà viết và ký theo yêu cầu của bà S.

3. Ý kiến của bị đơn Đồng Thị H: Tại Bản tự khai ngày 31/7/2024, bị đơn chị Đồng Thị H trình bày: Ngày 21/7/2017 chị H vay của bà S số tiền 235.000.000đồng với lãi suất cao 4.000đồng/01 triệu đồng/ngày. Sau đó chị đã trả cho bà S cả tiền gốc và lãi. Do tin tưởng nên chị không lấy giấy vay nợ về nên nay bà S khởi kiện chị là không có căn cứ. Tại phiên đối chất và hòa giải chị H không thừa nhận khoản vay 15/9/2017, ngày 10/8/2017, ngày 25/10/2017.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm:

Phía nguyên đơn trình bày: Xác định tổng số tiền bà S cho ông T1 bà T2 và chị H vay là 11.675.000.000đồng, toàn bộ số tiền này chị H là người thụ hưởng cũng như đã trả được số tiền 1.395.000.000đồng nên đối trừ ông T1, bà T2 và chị H liên đới trả cho bà S số tiền 10.280.000.000đồng. Đối với số tiền 50.000.000đồng như tài liệu tin nhắn chị H cung cấp tại phiên tòa không chấp nhận vì đó chỉ là tin nhắn một phía của chị H, không có xác nhận của bà S và không có tài liệu chứng minh đã chuyển số tiền này.

Phía bị đơn đơn: Cung cấp 05 tờ sao kê thể hiện chị H đã chuyển cho bà S số tiền 45.000.000đồng và 01 tờ bản chụp màn hình điện thoại của chị H nhắn tin việc chị H có chuyển 50.000.000đồng vào tài khoản B của bà S. Xác định tổng số tiền bà S yêu cầu chị H trả thì chỉ có 735.000.000đồng có căn cứ chị H vay, còn lại là của ông T1 bà T2. Đối trừ số tiền chị H đã trả qua các tài liệu đã có tại hồ sơ thì chị H chỉ còn nợ bà S số tiền 340.000.000đ, còn lại là của ông T1 bà T2.

5. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2024/DS-ST ngày 21/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Đồng Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 9.940.000.000đồng. Buộc chị Đồng Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 340.000.000đồng. Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 04/10/2024, bị đơn Đồng Văn T1, Nguyễn Thị T2 và Đồng Thị H kháng cáo. Trong đó, chị H xác định ngoài số tiền đã được Tòa án sơ thẩm xác định, chị H còn trả được bà S số tiền 239.989.000đồng, chỉ còn nợ 100.011.000đồng. Ông T1, bà T2 thừa nhận có vay tiền của bà S với lãi cao, đã trả hết tiền gốc và lãi nên không đồng ý trả tiền cho bà S.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà S và chị H cùng đối chiếu số liệu và các chứng cứ do chị H cung cấp tại cấp phúc thẩm và cùng thống nhất xác định ngoài số tiền chị H đã trả bà S theo xác định tại bản án sơ thẩm, chị H còn trả được cho bà S thêm 259.989.000đồng, còn nợ 80.011.000đồng. Chị H xác định ông T1, bà T2 giữ nguyên kháng cáo đã trả hết tiền vay cho bà S nhưng không cung cấp được thêm chứng cứ để chứng minh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đồng Thị H, sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ của chị H đối với bà S; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đồng

Văn T1 và Nguyễn Thị T2, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ của ông T1, bà T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

2.1. Năm 2016 và 2017, bà Nguyễn Thị S với vợ chồng ông Đồng Văn T1 bà Nguyễn Thị T2 cùng chị Đồng Thị H đã thiết lập và thực hiện các hợp đồng vay tiền. Ông T1 bà T2 cùng chị H đã viết 18 giấy vay tiền của bà S cũng như số tiền bà S chuyển qua tài khoản cho chị H có tại hồ sơ. Ông T1 bà T2 và chị H thừa nhận 18 giấy vay tiền mà bà S cung cấp cho Tòa án là do ông T1 viết và ký nhận, có cả chữ ký của bà T2, chị H cùng 01 phiếu hạch toán. Tuy nhiên ông T1 bà T2 và chị H cho rằng số tiền thực vay không phải như trên mà do bà S cho vay tiền và tính lãi cao; mỗi lần không trả được tiền gốc và lãi thì bà S lại yêu cầu viết một giấy vay tiền mới hoặc khi trả tiền thì không viết giấy trả và lấy lại giấy vay tiền cũ nên nay bà S mới cộng tổng vào thành số tiền trên. Tuy nhiên, ngoài lời khai của ông T1, bà T2 và chị H, các bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi nguyên đơn không thừa nhận. Do đó, cấp sơ thẩm xác định, ông T1 và bà T2 vay nợ bà S 10.940.000.000đồng (17 giấy vay tiền); chị H vay bà S 735.000.000đồng (01 giấy vay tiền cùng 01 phiếu hạch toán) là có căn cứ. Kháng cáo của các bị đơn về nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

2.2. Đối với khoản tiền 300.000.000 đồng theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 08/10/2017 (BL06), bà S cho rằng đây là khoản vay của chị H. Chị H thừa nhận chữ ký trong Giấy biên nhận là của mình nhưng xác định ký với tư cách người làm chứng. Tại Giấy vay tiền này ghi rõ tên người vay là ông Đồng Văn T1 nên cấp sơ thẩm xác định đó là khoản vay nợ của ông T1, bà T2 là có căn cứ.

2.3. Bà S cho rằng chị H còn phải chịu trách nhiệm khoản tiền vay ngày 25/10/2017 là 500.000.000đ (BL04) vì sau đó ngày 27/10/2017 ông T1 đã đến ngân hàng chuyển toàn bộ khoản tiền này vào tài khoản cho chị H. Tuy nhiên chị H không thừa nhận và xác định khoản vay trên là của ông T1 bà T2 vì chị không thỏa thuận, không ký giấy vay tiền, việc ngày 27/10/2017 ông T1 đến ngân hàng chuyển số tiền này cho chị là quan hệ khác không liên quan đến bà S. Nên cấp sơ thẩm xác định đó là khoản vay nợ của ông T1 bà T2 là có căn cứ.

2.4. Trong tổng số tiền bà S yêu cầu ban đầu có số tiền 500.000.000đồng chuyển khoản qua tài khoản của chị Đinh Thị H1. Nhưng bà S đã rút tách khoản này không yêu cầu nên cấp sơ thẩm không giải quyết là đúng quy định.

2.5. Các bên đương sự đã đối chiếu trong giai đoạn sơ thẩm và thống nhất các bị đơn đã trả nguyên đơn tổng là 1.395.000.000đồng (thời điểm sau ngày 15/9/2017 là 160.000.000đồng và trước đó là 1.235.000.000đồng), trong đó chị H đã trả 395.000.000đồng, ông T1 bà T2 đã trả 1.000.000.000đồng.

2.6. Đối trừ khoản tiền vay và trả, cấp sơ thẩm xác định ông T1 bà T2 còn nợ bà S số tiền là 9.940.000.000đồng; chị H còn nợ bà S số tiền là 340.000.000đồng là có căn cứ.

2.7. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S và chị H cùng đối chiếu số liệu và các chứng cứ do chị H cung cấp tại cấp phúc thẩm và cùng thống nhất xác định ngoài số tiền chị H đã trả bà S theo xác định tại bản án sơ thẩm, chị H còn trả được cho bà S thêm 259.989.000đồng, còn nợ 80.011.000đồng. Đây là sự tự nguyện thống nhất của bà S và chị H phù hợp với các bản sao kê tài khoản do chị H cung cấp và do Tòa án thu thập nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị H, sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ của chị H đối với bà S. Do sửa nghĩa vụ của chị H nên cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm của chị H cho phù hợp.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông T1, bà T3 kháng cáo không được chấp nhận nhưng là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Chị H kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Đồng Văn T1 và Nguyễn Thị T2, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Đồng Thị H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương như sau:

1.1. Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị S.

Buộc ông Đồng Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 9.940.000.000đồng (Chín tỉ chín trăm bốn mươi triệu đồng).

Buộc chị Đồng Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 80.011.000đồng (T4 mươi triệu không trăm mười một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đồng Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2. Buộc chị Đồng Thị H phải chịu 4.000.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2. Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đồng Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2. Chị Đồng Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004199 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- TAND TP. Chí Linh;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hữu Hiệu